

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 89/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28-6-2024

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi
con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Phan Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Nguyễn Thị Bửu Huệ và bà Phạm Tú Nhi.

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Anh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Kim Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 135/2024/TLST– HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 66/2024/QĐST - HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1973; địa chỉ thường trú: 163/23/8 (số C) khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: anh Phạm Văn L, sinh năm 1968; địa chỉ thường trú: 163/23/8 (số C) khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị M và anh Phạm Văn L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2008, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường

A, thành phố D, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận kết hôn số 45/08 quyền số 05 ngày 28 tháng 5 năm 2008.

Cuộc sống hạnh phúc được vài năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan điểm về cuộc sống không đồng nhất, anh Phạm Văn L thường xuyên cò bạc không đưa tiền nuôi con, gần đây hay uống rượu, bia, chửi mắng thô tục với vợ con, dẫn đến không thể nói chuyện và chia sẻ với nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Mặc dù hai bên đã rất cố gắng nhưng không thể giải quyết được. Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng giữa không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn L.

Về con chung: quá trình chung sống, vợ chồng có 02 người con chung là Phạm Huy H, sinh ngày 02/4/2011 và Phạm Xuân Á, sinh ngày 27/10/2002. Sau khi ly hôn, chị M yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Huy H và không yêu cầu anh Phạm Văn L thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Phạm Xuân Á đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đối với bị đơn anh Phạm Văn L: sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu anh L có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị M nhưng anh L không có ý kiến, đồng thời cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì. Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng yêu cầu anh L tham gia hòa giải vào ngày 15/5/2024 nhưng anh L vắng mặt không có lý do, đồng thời chị M có yêu cầu từ chối hòa giải. Vì vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng yêu cầu anh L tham gia phiên tòa vào ngày 11/6/2024 và ngày 28/6/2024 nhưng anh L vẫn vắng mặt không có lý do. Như vậy, việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị M được xem xét trên cơ sở chứng cứ do chị M cung cấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Quá trình tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đối với bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không chấp hành theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa vào ngày 11/6/2024 và ngày 28/6/2024 nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy,

Tòa án căn cứ vào Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng với quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An nhận định:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn chị Nguyễn Thị M có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh Phạm Văn L đã được triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị M và anh Phạm Văn L là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương vào ngày 28/5/2008 theo giấy chứng nhận kết hôn số 45/08 quyển số 05 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Quá trình tố tụng, chị M xác định trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan điểm cuộc sống không đồng nhất, cụ thể là anh L thường xuyên cờ bạc không đưa tiền để nuôi con, uống rượu bia, chửi mắng thô tục với vợ con, dẫn đến không thể nói chuyện và chia sẻ với nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Bên cạnh đó, vợ chồng đã ly thân từ năm 2011, mặc dù hai bên đã rất cố gắng nhưng không giải quyết được. Nay chị M xác định không còn tình cảm với anh L nên yêu cầu ly hôn. Quá trình tố tụng, Tòa án triệu tập anh L đến Tòa án để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng, có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị M và cung cấp chứng cứ liên quan đến vụ án nhưng anh L không đến. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ giữa vợ chồng anh chị được. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị M yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Huy H, sinh ngày 02/4/2011 và cháu Phạm Xuân Á, sinh ngày 27/10/2002. Cháu Phạm Xuân Á đã đủ tuổi trưởng thành, nguyên đơn không có yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết. Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi phải bảo đảm quyền lợi của con chưa thành niên, hiện nay con

chung đang sống cùng với chị M, trong suốt quá trình tổ tụng anh L không có ý kiến thể hiện nguyện vọng mong muốn nuôi con chung hay không. Trong khoảng thời gian hai vợ chồng không sống chung với nhau thì con chung do chị M trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Huy H có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, chị M yêu cầu trực tiếp nuôi con chung là phù hợp với các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng: chị Nguyễn Thị M tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: chị Nguyễn Thị M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị M về việc ly hôn, nuôi con với bị đơn anh Phạm Văn L.

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Phạm Văn L (theo giấy chứng nhận kết hôn số 45/08 quyền số 05 do Ủy ban nhân dân phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương cấp vào ngày 28/5/2008).

- Về con chung: anh Phạm Văn L giao con chung Phạm Huy H, sinh ngày 02/4/2011 cho chị Nguyễn Thị M tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị M không yêu cầu anh Phạm Văn L cấp dưỡng nuôi con.

Phạm Xuân Á, sinh ngày 27/10/2002, đã trưởng thành, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết.

Sau ly hôn, anh Phạm Văn L có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con. Chị Nguyễn Thị M không có quyền cản trở anh Phạm Văn L thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: chị Nguyễn Thị M không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002785 ngày 11/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Hiền

